

Số: 385/QĐ-HĐQL

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2014

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế bảo lãnh tín dụng cho các  
doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương

### HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 09/07/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại Tờ trình số 344.../TTr-ĐTPT ngày 08... tháng 12 năm 2014,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo theo quyết định này “Quy chế bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, các phòng nghiệp vụ Quỹ và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT; KHTD.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ  
CHỦ TỊCH



**LÊ THANH CUNG**

**QUY CHẾ**  
**BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP**  
**NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 385/QĐ- HDQL ngày 21.../12/2014 của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương)*

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Quỹ) được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 2.** Quỹ được quản lý vốn và sử dụng vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng để thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh tín dụng cho Bên được bảo lãnh theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, Quy định bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn được UBND tỉnh Bình Dương quyết định ban hành và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về việc bảo lãnh tín dụng bằng đồng Việt Nam đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương để vay vốn tổ chức tín dụng nhằm phục vụ nhu cầu cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển.

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bên bảo lãnh” là Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương được UBND tỉnh giao thêm nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. “Bên nhận bảo lãnh” là các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, thực hiện cấp tín dụng cho bên được bảo lãnh.

3. “Bên được bảo lãnh” là đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy chế này được Bên bảo lãnh cấp bảo lãnh tín dụng.

4. “Bảo lãnh tín dụng” là cam kết bằng văn bản của Bên bảo lãnh với Bên nhận bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh. Bên được bảo lãnh phải nhận nợ vay bắt buộc và hoàn trả cho Bên bảo lãnh số tiền đã được Bên bảo lãnh trả thay.

5. “Hợp đồng bảo lãnh tín dụng” là thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa Bên bảo lãnh, Bên nhận bảo lãnh và Bên được bảo lãnh về việc bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh.

4. “Hợp đồng thế chấp tài sản” là thỏa thuận, thống nhất giữa Bên bảo lãnh và Bên được bảo lãnh về việc Bên được bảo lãnh sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay được bảo lãnh hoặc tài sản khác để thế chấp cho nghĩa vụ hoàn trả các khoản nợ mà Bên bảo lãnh đã trả nợ với Bên nhận bảo lãnh thay cho Bên được bảo lãnh.

5. “Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc” là thỏa thuận, thống nhất ký kết ban đầu giữa Bên bảo lãnh và Bên được bảo lãnh về việc Bên được bảo lãnh cam kết nhận nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ bên bảo lãnh toàn bộ số tiền bên bảo lãnh trả nợ thay cho Bên được bảo lãnh và lãi phát sinh theo quy định.

6. “Hợp đồng nhận nợ bắt buộc” là thỏa thuận, thống nhất ký kết giữa Bên bảo lãnh và Bên được bảo lãnh nhằm xác nhận số tiền mà Bên bảo lãnh đã trả nợ với Bên nhận bảo lãnh thay cho Bên được bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh tín dụng đã ký; xác nhận số nợ của Bên được bảo lãnh phải hoàn trả cho Bên bảo lãnh và thời hạn hoàn trả.

7. “Nghĩa vụ thanh toán” là các khoản phải trả gồm nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí, bồi thường tổn thất (nếu có) theo quy định trong thỏa thuận vay cụ thể và được chấp nhận trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

## **CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Đối tượng được bảo lãnh tín dụng**

1. Đối tượng được Quỹ cấp bảo lãnh tín dụng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật hiện

hành, vay vốn bằng đồng Việt Nam tại tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng.

2. Việc xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa để Quỹ xét cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định của Quy chế này và pháp luật hiện hành.

#### **Điều 6. Nguyên tắc bảo lãnh tín dụng**

1. Bên được bảo lãnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Các bên trong quan hệ bảo lãnh tín dụng phải thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ về bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Điều kiện để được bảo lãnh tín dụng**

1. Bên được bảo lãnh thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Quy chế này;

2. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay. Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Bên bảo lãnh thẩm định và quyết định bảo lãnh theo Quy định này.

3. Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay.

4. Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh.

5. Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức kinh tế khác.

#### **Điều 8. Hình thức bảo lãnh tín dụng**

Bên bảo lãnh cam kết bảo lãnh tín dụng bằng hình thức ký kết Hợp đồng bảo lãnh tín dụng theo thỏa thuận, thống nhất giữa ba (03) bên, bao gồm: Bên bảo lãnh, Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh. Nội dung cơ bản của Hợp đồng bảo lãnh tín dụng được quy định tại Điều 16 của Quy chế này và Hợp đồng mẫu bảo lãnh tín dụng do Giám đốc Quỹ ban hành.

#### **Điều 9. Phạm vi và giới hạn bảo lãnh tín dụng**

1. Bên bảo lãnh có thể cấp bảo lãnh một phần hoặc bảo lãnh toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp, cầm cố của Bên được bảo lãnh tại Bên nhận bảo lãnh.

